

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **254 /2023/DS-ST**

Ngày: 22 -9 -2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tỏ

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Phúc -Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 233/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 404/2023/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc H, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: Ông Trần Văn U sinh năm xxxx

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Quang V, sinh năm 1984 (Giấy ủy quyền số chứng thực 111 ngày 07 tháng 11 năm 2022), có mặt

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Ngọc H trình bày: Vào ngày 12/10/2018 bà H có cho ông U vay số tiền 30.000.000 đồng, đến Tết năm 2018 ông U vay thêm 5.000.000 đồng, tổng cộng 35.000.000 đồng, lãi 5% tháng, hẹn trong vòng 01 năm ông U phải trả số tiền, có viết “Giấy tay ngày 12/10/2018”, do sơ sót không ghi lãi vào giấy vay tiền. Từ khi vay đến nay ông U không trả tiền. Bà H yêu cầu ông U trả số tiền vay 35.000.000 đồng và lãi tính từ ngày ông U không trả tiền đúng thỏa thuận từ ngày 12/10/2019 đến ngày xét xử (22/9/2023) theo mức lãi suất pháp luật quy định. Bà H đồng ý nhận tiền lãi là 10.000.000 đồng. Bà H yêu cầu ông U trả lại bà H số tiền đã ứng chi phí giám định là 3.000.000 đồng. Bà H yêu cầu ông U trả các khoản tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình xét xử, người đại diện ủy quyền của bị đơn là anh Trần Quang V trình bày: Trước đây ông U có vay tiền của bà H nhiều lần nhưng đã trả xong, cụ thể: Ông U có trả lãi 5% tháng từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2015 ngưng không trả lãi. Tháng 6/2017 ông U có trả 10.000.000 đồng vốn cho bà H nhận, tháng 12/2017 ông U có trả 15.000.000 đồng vốn do con gái bà H nhận, tháng 01/2018 ông U có trả 10.000.000 đồng vốn cho bà H nhận. Nhưng do ông U không có chứng cứ trả tiền cho bà H nên ông U đồng ý trả bà H số tiền vốn 35.000.000 đồng, ông U không đồng ý trả lãi vì đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay theo quy định Điều 429 và khoản 2 Điều 150 Bộ luật dân sự. Ông U đồng ý trả bà H số tiền ứng chi phí giám định là 3.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H. Buộc ông Trần Văn U có nghĩa vụ trả bà Phạm Ngọc H số tiền 35.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng. Ghi nhận ông U đồng ý trả bà H số tiền chi phí giám định là 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà H đòi ông U trả số tiền vay. Chứng cứ bà H cung cấp là bản gốc “*Giấy tay ngày 12/10/2018*”, có chữ ký và viết tên Trần Văn U, với nội dung ông U có mượn số tiền của bà H tổng cộng 35.000.000 đồng, hẹn trong vòng 01 năm sẽ hoàn lại số tiền trên. Giấy mượn tiền xác lập quan hệ vay tài sản giữa bà H và ông U theo quy định Điều 463 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, ông U đồng ý trả bà H số tiền 35.000.000 đồng, phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H.

Bà H yêu cầu tính lãi do ông U không trả tiền đúng thỏa thuận từ ngày 12/10/2019 đến ngày xét xử (22/9/2023) theo mức lãi suất pháp luật quy định là có căn cứ. Bởi lẽ, trong “*Giấy tay ngày 12/10/2018*” ông U cam kết trả tiền trong vòng 01 năm, nhưng ông U không thực hiện nên ông U phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định Điều 357 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, xác định lãi của số tiền 35.000.000 đồng, từ ngày ông U vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử là trên 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H chỉ yêu cầu ông U trả tiền lãi là 10.000.000 đồng, xét thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đại diện ủy quyền của ông U yêu cầu không tính lãi do hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay theo quy định Điều 429 và khoản 2 Điều 150 Bộ luật dân sự là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì tiền lãi ông U phải thanh toán cho bà H là trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định Điều 357 Bộ luật dân sự, không phải lãi phát sinh từ hợp đồng vay. Nên buộc ông U phải thanh toán khoản tiền lãi cho bà H. Bà H yêu cầu ông U trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận, vì ông U đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận.

[3] Chi phí tố tụng: Ông U đồng ý trả bà H số tiền chi phí giám định là 3.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, phù hợp khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Án phí sơ thẩm: Yêu cầu của bà H được chấp nhận toàn bộ, nên ông U phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông U là người cao tuổi

có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông U theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H. Buộc ông Trần Văn U có nghĩa vụ trả bà Phạm Ngọc H số tiền 45.000.000 (*Bốn mươi lăm triệu*) đồng (Gồm: Tiền vốn 35.000.000 đồng, lãi 10.000.000 đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông U có nghĩa vụ trả bà Phạm Ngọc H số tiền chi phí giám định là 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Ngọc H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trần Văn U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn U. Bà Phạm Ngọc H không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền 2.957.000 đồng, theo biên lai thu số 0028170 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tỏ

Nguyễn Văn Tâm

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ngọc Thúy

Đặng Bình Thủy

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tâm

Nguyễn Tấn Đạt

Trần Văn Dũng

